

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 13 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thơm.

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án xét xử số 10/2018/HSST – QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tống Văn Đ, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; bố đẻ: Tống Xuân Đ, sinh năm 1950; mẹ đẻ: Vũ Thị E, sinh năm 1952; vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1986; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Bản thân Tống Văn Đ là Đảng viên Đảng CSVN đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 68-QĐ/UBKT ngày 23/11/2017 của Huyện Ủy T.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017.

2. Họ và tên: Nguyễn Trung T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm 17, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; bố đẻ: Nguyễn Trung T, sinh năm 1958; mẹ đẻ Trần Thị L,

sinh năm 1959; vợ: Nông Thị B, sinh năm 1989; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Năm 2007 bị Công an TP. Nam Định xử phạt hành chính về hành vi “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Trần K, sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Xóm 17, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; bố đẻ: Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1948; mẹ đẻ: Trần Thị L, sinh năm 1950; vợ: Tống Thị T, sinh năm 1984; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 28/12/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

4. Họ và tên: Nguyễn Thiện T1, sinh năm 1964; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Trình độ văn hoá: 07/10; nghề nghiệp: Tự do; bố đẻ: Nguyễn Đức K (đã chết); mẹ đẻ: Đặng Thị T (đã chết); Vợ: Phạm Thị Q, sinh năm 1963; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1993.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Trần Công Đ1, sinh năm 1969; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Xóm 16, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Trình độ văn hoá: 07/12; nghề nghiệp: Tự do; bố đẻ: Trần Công H, sinh năm 1934; mẹ đẻ: Phạm Thị R, sinh năm 1937; vợ: Tống Thị L, sinh năm 1973; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; trình độ văn hoá: 06/12; nghề nghiệp: Tự do; Bố đẻ: Nguyễn Thành C, sinh năm 1956; mẹ đẻ: Lê Thị T, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1981; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2017 đến ngày 30/12/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh.

Các bị cáo Tổng Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 đều có mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 09/11/2017, Tổng Văn Đ là nhân viên nhà máy nước sạch xã T thuộc xóm 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định gọi điện thoại cho Trần Công Đ1 đến nhà máy nước chơi uống nước. Trên đường đi Đ1 rủ Nguyễn Trung T đi cùng. Đ1 và T1 đến nhà máy nước, thấy Đ và Nguyễn Văn T2 đang ngồi uống nước.

Khoảng 21 giờ 30 phút, Đ rủ Đ1, T, T2 chơi chắn ăn tiền và lấy ra 02 bộ bài chắn, 02 chiếc đĩa sứ men trắng có sẵn trong ngăn kéo phòng trực để mọi người chơi. Đ, T, Đ1 và T2 dùng 01 bộ bài chắn và 01 chiếc đĩa sứ để chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Thiện T1 đến, T1 lấy 01 bộ bài chắn và một đĩa sứ còn lại chia bài cho Đ, Đ1, T, T2 chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Trung H, sinh năm 1970 trú tại xóm 17, xã T, huyện T và Nguyễn Trần K đến ngồi xem. Khoảng 10 phút sau thì T2 nhận được điện thoại nên T2 đứng dậy về không chơi nữa. K vào chơi thay vị trí của T2. Trần Công Đ1 có 350.000 đồng chơi đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 10/11/2017 thì bị thua hết ra ngoài ngồi xem. Đ, T, K chơi đến khoảng 02 giờ 15 phút ngày 10/11/2017 thì bị lực lượng Công an huyện Nam Trực làm nhiệm vụ phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm có: 02 bộ bài chắn mỗi bộ gồm 100 quân, 01 bộ mặt sau in hình hoa văn màu đỏ, 01 bộ mặt sau in hình hoa văn màu xanh; 02 đĩa sứ men trắng tráng hoa văn đỏ; Thu trên chiếu bạc: trước mặt T số tiền 500.000 đồng, trước mặt Đ số tiền 1.040.000 đồng và trước mặt T1 số tiền 380.000 đồng là số tiền T1 được hưởng lợi từ việc chia bài hộ; Thu giữ trong ví da để trên chiếu bạc của K số tiền 4.330.000 đồng; Thu giữ trong túi quần T số tiền 3.305.000 đồng; thu giữ trong ví da để trong người Đ số tiền 3.570.000 đồng; thu giữ trong người T số tiền 300.000 đồng.

Hình thức chơi đánh bài như sau: Người chơi sử dụng bộ bài chắn gồm 100 quân bài các loại quân bài gồm 04 quân Chi, 96 quân còn lại có một nguyên tắc để gọi và nhận mặt quân là tên quân bài được hợp thành phần số từ 2 đến 9 (các quân Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu) và phần chữ (Văn, Vạn, Sách). Mỗi loại quân phần số có 12 quân trong đó mỗi quân Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu có 04 quân Vạn, 04 quân Văn, 04 quân Sách. Các quân Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu cũng tương tự như trên. Các quân Chi, Bát Vạn, Bát Sách, Cửu Vạn, Cửu Sách là màu đỏ, các quân còn lại đều màu đen. Bộ bài chắn 100 quân được chia cho bốn

người, một người có 20 quân, ba người còn lại có 19 quân, số quân còn lại để dưới chiếu gọi là “nọc”. Người đánh quân bài đầu tiên trong mỗi ván chơi là người có 20 quân bài, đánh theo chiều ngược chiều kim đồng hồ. Khi người chơi đánh quân bài về vị trí người bên cạnh ngược chiều kim đồng hồ, quân bài đó ở vị trí bên trái người chơi tiếp theo, nếu đối chiếu quân bài người chơi đầu tiên đánh với những quân bài ở trên tay người chơi tiếp theo có thể ăn Chấn hoặc Cạ, nếu ăn thì lấy 01 quân trên tay đánh về phía người tiếp theo, nếu không ăn thì lấy 01 quân bài dưới nọc đánh về phía người tiếp theo. Nếu quân bài lấy ở dưới nọc đánh thì ưu tiên quân đó cho người chơi tiếp theo liền sau người đầu tiên, nếu người này không ăn thì người chơi tiếp theo người này có thể ăn. Nếu ăn thì người chơi này lấy 01 quân bài trên tay đánh về phía người chơi tiếp theo. Việc chơi đó cứ thế duy trì, trên tay người chơi luôn có 19 quân bài. Khi bắt đầu chơi Đ, T, Đ1, T2 quy ước ù xuống là 10.000 đồng, cược dịch 5.000 đồng, người ù có các cước chì bạch thủ, bạch định, tám đỏ, kính tứ chi, bạch thủ chi, thập thành (gọi là những ván ù có gà) thì những người chơi còn lại phải trả thêm mỗi người 20.000 đồng cho người ù. Khi Đ1 không chơi nữa, Đ, T, K chơi mức ù xuống 20.000 đồng, cược dịch 10.000 đồng, người ù các ván có gà thì những người còn lại phải trả thêm mỗi người 50.000 đồng và người ù sẽ bỏ ra 10.000 đồng một ván cho Nguyễn Thiện T1.

Cơ quan CSĐT đã thu trên chiếu bạc số tiền là 6.250.000đ và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc thu trên người bị cáo T 3.305.000 và số tiền bị cáo T2 nộp là 660.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là: 10.215.000đ

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực, các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và số tiền sử dụng để đánh bạc như sau:

Tống Văn Đ có 4.110.000 đồng khi đánh bạc Đ bỏ ra 500.000 đồng để chơi đến khi bị bắt quả tang Đ được 540.000 đồng.

Nguyễn Trung T khi đánh bạc bỏ ra 3.300.000 đồng để chơi khi bị bắt quả tang T có 3.805.000 đồng, T cất giấu 3.305.000 đồng vào trong túi quần còn 500.000 đồng T để trên chiếu bạc.

Nguyễn Trần K khi đánh bạc bỏ ra 4.200.000 đồng để chơi khi bị bắt quả tang K có 4.330.000 đồng, để trên chiếu bạc.

Nguyễn Thiện T1 không tham gia chơi bài, nhưng chia bài chắn cho Đ, T, K, Đ1, T2 chơi và hưởng lợi số tiền là 380.000 đồng.

Nguyễn Văn T2 đã tự giác giao nộp số tiền là 660.000 đồng, T2 khai nhận khi tham gia chơi T2 bỏ ra 520.000 đồng đến khi ra về T2 thắng được 140.000 đồng.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố tại bản cáo trạng số 10/CT - VKS ngày 17 tháng 01 năm 2018 và tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tổng Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Tổng Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù. Phạt tiền từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Trung T và Nguyễn Trần K mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt tiền mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 31; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự năm 1999, Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ.

+ Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn mỗi bộ gồm 100 quân và 02 đĩa sứ men trắng tráng hoa văn đỏ, tịch thu Ngân sách nhà nước số tiền 10.215.000đ. Hoàn trả lại cho bị cáo Tổng Văn Đ số tiền 3.570.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thiện T1 số tiền 300.000 đồng.

+ Áp dụng Điều 99 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến, tranh luận gì về bản cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa.

Các bị cáo Tổng Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực lập ngày 10/11/2017, lời khai của người làm chứng, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/11/2017 tại nhà máy nước sạch xã Tân Thịnh thuộc xóm 11, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, Nguyễn Thiện T1 chia bài chẵn cho các bị cáo chơi bài ăn tiền để thu lời. Các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 đánh bạc bằng hình thức đánh chẵn ăn tiền thu lời bất chính. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 10.215.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1, Nguyễn Văn T2 đã phạm vào tội: “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 có nội dung quy định có lợi cho người phạm nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là một trong những tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu nhiều mặt đến cuộc sống bình thường của chính gia đình các bị cáo và là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử, xử lý là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như phát huy tính răn đe phòng ngừa chung ngoài xã hội.

[3] Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên xét tính chất mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: bị cáo Tống Văn Đ đã khởi xướng và sử dụng công cụ và địa điểm do bị cáo đang quản lý để để làm nơi cho các bị cáo khác đánh bạc, nên bị cáo Tống Văn Đ được xếp ở vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 cùng tham gia thực hiện hành vi “đánh bạc” nên được xếp ở vị trí sau bị cáo Tống Văn Đ.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc và trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật

hình sự năm 1999. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Đánh giá nhân thân, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử, thấy cần xử lý đối với các bị cáo như sau :

Đối với bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T và Nguyễn Trần K cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù. Tuy nhiên đối với bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Nguyễn Trần K có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Trần K ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999, cũng có thể cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1, Nguyễn Văn T2 có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ vì vậy chưa cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo sửa chữa lỗi lầm theo quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong giai đoạn điều tra các bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1, Nguyễn Văn T2 đã có thời gian bị tạm giữ, tạm giam. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 thời gian tạm giữ, tạm giam được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Các bị cáo thu nhập không ổn định vì vậy miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lời bất chính nên áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 để sung Ngân sách nhà nước.

[6] Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 02 bộ bài chắn và 02 đĩa sù là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 10.215.000đ là phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền đã thu giữ của bị cáo Tống Văn Đ 3.570.000 đồng và Nguyễn Thiện T1 300.000 đồng các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên hoàn trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Tổng Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Tổng Văn Đ 07 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/11/2017.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

1.2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng , tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 13/3/2018. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017).

1.2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng , tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 13/3/2018. (Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 28/12/2017).

Giao các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Trần K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1.3.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện T1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 27 ngày. (Bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày trước khi xét xử, quy đổi = 27 ngày cải tạo không giam giữ).

1.3.2. Xử phạt bị cáo Trần Công Đ1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 27 ngày. (Bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày trước khi xét xử, quy đổi = 27 ngày cải tạo không giam giữ).

1.3.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 03 tháng 12 ngày. (Bị cáo đã bị tạm giam 01 tháng 04 ngày trước khi xét xử, quy đổi = 03 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ).

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung Ngân sách nhà nước cho các bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2.

Giao các bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

Thời hạn cải tạo của các bị cáo Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 điều 248; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999.

Phạt các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T, Trần Công Đ1, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng).

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn và 02 đĩa sù.

3.2. Tịch thu Ngân sách nhà nước số tiền 10.215.000đ (mười triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

3.3. Hoàn trả cho bị cáo Tống Văn Đ số tiền 3.570.000đ (ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), cho bị cáo Nguyễn Thiện T1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng tiếp tục quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực để đảm bảo Thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng và số tiền nêu trên của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 01 năm 2018 và tài khoản số 3949.0.1054872 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16 tháng 01 năm 2017).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Tống Văn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trần K, Nguyễn Thiện T1, Trần Công Đ1 và Nguyễn Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THA dân sự H. Nam Trực;
- Thi hành án phạt tù;
- Trại giam;
- Các bị cáo
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ
- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**
TOÀ

Nguyễn Văn Thịnh

